

Số: 2708/QĐ-UBND

Hung Yên, ngày 29 tháng 11 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình
Kè mái sông Hòa Bình đoạn qua thành phố Hưng Yên**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về Quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020; số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP; số 120/2018/NĐ-CP ngày 13/9/2018 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về Kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm; số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: Số 384/QĐ-UBND ngày 08/02/2010 về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình kè mái sông Hòa Bình đoạn qua thành phố Hưng Yên; số 1357/QĐ-UBND ngày 11/8/2011 về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình kè mái sông Hòa Bình đoạn qua thành phố Hưng Yên;

Căn cứ Công văn số 2589/UBND-KT1 ngày 18/10/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc chủ trương điều chỉnh dự án kè mái sông Hòa Bình đoạn qua thành phố Hưng Yên;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 266/TTr-SNN ngày 11/11/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình kè mái sông Hòa Bình đoạn qua thành phố Hưng Yên, với nội dung chủ yếu sau:

1. Điều chỉnh tên đơn vị Chủ đầu tư:

Chủ đầu tư: Xí nghiệp Khai thác công trình thủy lợi thành phố Hưng Yên.

2. Điều chỉnh quy mô dự án:

a) Nội dung điều chỉnh: Điều chỉnh giảm khối lượng, không thi công đoạn kè bờ hữu sông Hòa Bình, đoạn từ lý trình C75 đến C85, dài khoảng 206m. Lý do đoạn kè trên đã được UBND xã Trung Nghĩa đầu tư xây dựng.

b) Quy mô dự án sau điều chỉnh: Xây dựng tuyến mái kè sông tám dọc tuyến bờ hiện trạng với tổng chiều dài 1.723m. Điểm đầu C0 tại Km14+036,65

(tương ứng với K44+300 theo QL 38B), điểm cuối tại Km15+759,65, cụ thể:

- Đoạn 1 (từ C0 đến C3): Chiều dài 64m, cao trình đáy sông -0,5m, chiều rộng đáy sông $B=6\text{m}$, hệ số mái $m=1,5$. Kết cấu mái xây đá hộc VXM M75 dày 30cm (lớp lót bằng đá dăm dày 10cm và vải địa kỹ thuật) tới cao trình +2,0 tạo mặt cơ rộng 1,5m bám vào đất cũ, tiếp tục xây mái $m=1,5$ tới cao trình đỉnh kè +3,2; móng kè xây bằng đá hộc VXM M100, gia cố nền móng bằng cọc tre.

- Đoạn 2 (từ C3 đến C60): Cao trình đáy sông -0,5m, chiều rộng đáy sông $B=6\text{m}$, hệ số mái $m=1,5$ (đối với bờ hữu tạo cơ rộng 1,5m tại cao trình +2,0m; bờ tả không có cơ); cao trình bờ hữu +3,2m, cao trình bờ tả +3,0m. Kết cấu mái xây đá hộc VXM M75 dày 30cm (lớp lót bằng đá dăm dày 10cm và vải địa kỹ thuật) tới cao trình đỉnh kè; móng kè xây bằng đá hộc VXM M100, gia cố nền móng bằng cọc tre.

- Đoạn 3 (từ C61 đến C67): Cao trình đáy sông -0,5m, chiều rộng đáy sông $B=5\text{m}$ (gồm cả mặt móng kè), móng kè kết hợp tường chắn đất tới cao trình +0,65m, hệ số mái $m=1,5$. Kết cấu mái xây đá hộc VXM M75 dày 30cm (lớp lót bằng đá dăm dày 10cm và vải địa kỹ thuật) tới cao trình đỉnh kè +3,0m; móng kè xây bằng đá hộc VXM M100, gia cố nền móng bằng cọc tre.

- Đoạn 4 (từ C68 đến C73): Cao trình đáy sông -0,5m, chiều rộng đáy sông $B=6\text{m}$ (gồm cả mặt móng kè), móng kè kết hợp tường chắn đất tới cao trình +0,65m, hệ số mái $m=1,5$. Kết cấu mái xây đá hộc VXM M75 dày 30cm (lớp lót bằng đá dăm dày 10cm và vải địa kỹ thuật) tới cao trình đỉnh kè +3,0m; móng kè xây bằng đá hộc VXM M100, gia cố nền móng bằng cọc tre.

- Đoạn 5 (từ C74 đến hết tuyến, trừ đoạn kè bờ hữu sông Hòa Bình, đoạn từ lý trình C75 đến C85, dài khoảng 206m): Cao trình đáy sông -0,5m, chiều rộng đáy sông $B=6\text{m}$ (gồm cả mặt móng kè), móng kè kết hợp tường chắn đất tới cao trình +0,65m, hệ số mái $m=1,5$ (đối với bờ hữu tạo cơ rộng 1,5m tại cao trình +2,0m; bờ tả không có cơ); cao trình bờ hữu +3,2m, cao trình bờ tả +3,0m. Kết cấu: mái xây đá hộc VXM M75 dày 30cm (lớp lót bằng đá dăm dày 10cm và vải địa kỹ thuật) tới cao trình đỉnh kè; móng kè xây bằng đá hộc VXM M100, gia cố nền móng bằng cọc tre.

Riêng phía bờ hữu (từ C80 đến K15+759,65) thiết kế vượt dốc theo mặt đường bê tông cao trình +3,4m.

Các đoạn cong chuyển tiếp được thiết kế vượt thuận từ hai đoạn liên tiếp nhau; bố trí các lỗ thoát nước bằng nhựa PVC D60mm phía sau lưng kè; tại một số vị trí đỉnh kè thiết kế cao hơn mặt đất tự nhiên, bố trí các cửa tiêu nước (hạ thấp đỉnh kè cục bộ) tại vị trí tập trung nước để đảm bảo tiêu thoát nước mặt; giữa các phân đoạn tiếp giáp bố trí khe lún rộng 15mm, trát bằng VXM M75; cứ 100m bố trí bậc thang bằng gạch xây lên xuống ở 2 bên bờ.

3. Điều chỉnh nguồn vốn thực hiện dự án: Nguồn Trái phiếu Chính phủ 05 tỷ đồng; Ngân sách tỉnh đầu tư phần còn lại.

4. Điều chỉnh thời gian thực hiện dự án: Đảm bảo thời gian cân đối vốn cho dự án.

5. Điều chỉnh tổng mức đầu tư của dự án:

a) Tổng mức đầu tư được duyệt tại các Quyết định: Số 384/QĐ-UBND ngày 08/02/2010 và số 1357/QĐ-UBND ngày 11/8/2011 của UBND tỉnh: **17.124.023.000** đồng. Trong đó:

- Chi phí GPMB	:	185.000.000 đồng.
- Chi phí xây dựng	:	15.496.202.000 đồng.
- Chi phí quản lý dự án	:	320.385.000 đồng.
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	:	828.008.000 đồng.
- Chi phí khác	:	294.428.000 đồng.
- Chi phí dự phòng	:	0 đồng.

b) Tổng mức đầu tư điều chỉnh: **+ 2.110.412.500** đồng. Trong đó:

- Chi phí GPMB	:	-185.000.000 đồng.
- Chi phí xây dựng	:	+1.284.256.000 đồng.
- Chi phí quản lý dự án	:	+45.635.000 đồng.
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	:	+131.860.500 đồng.
- Chi phí khác	:	+146.954.000 đồng.
- Chi phí dự phòng	:	+686.707.000 đồng.

c) Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh: **19.234.435.500** đồng. Trong đó:

- Chi phí xây dựng	:	16.780.458.000 đồng.
- Chi phí quản lý dự án	:	366.020.000 đồng.
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	:	959.868.500 đồng.
- Chi phí khác	:	441.382.000 đồng.
- Chi phí dự phòng	:	686.707.000 đồng.

Điều 2: Các nội dung khác giữ nguyên theo các Quyết định: Số 384/QĐ-UBND ngày 08/02/2010 và số 1357/QĐ-UBND ngày 11/8/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên.

Điều 3: Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kho bạc nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Hưng Yên và thủ trưởng các cơ quan liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận: 

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT1^{LT}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Bùi Thế Cử